

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 6**

*(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA  
NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2016**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 28



Số: 203 /VNIA-HN-BC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vinaconex 6

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vinaconex 6 (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 10 tháng 8 năm 2016, từ trang 04 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày 30 tháng 6 năm 2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Đặng Chí Dũng**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vinaconex 6 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Đỗ Đình Hùng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Điệp	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2016)
Ông Nguyễn Hữu Ngọc	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2016)
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên
Ông Trần Văn Khánh	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2016)
Ông Nguyễn Phấn Tuấn	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2016)
Ông Hoàng Hoa Cương	Ủy viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Hoàng Hoa Cương	Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Phó Giám đốc
Ông Trần Văn Lương	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2016)
Ông Nguyễn Xuân Quỳnh	Phó Giám đốc
Bà Trần Hồng Vân	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2016)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 6**

Tầng 5, Tòa nhà 29T2, phố Hoàng Đạo Thúy, quận Cầu Giấy  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

---

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Hoàng Hoa Cường**  
**Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2016*

1250  
VG  
HIỆM H  
OIT  
T NA  
T. TT



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

**MẪU SỐ B 01a-DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	31/12/2015
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>465.115.476.445</b>	<b>450.606.093.924</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>19.171.420.033</b>	<b>29.748.099.297</b>
1. Tiền	111		16.171.420.033	18.698.099.297
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	11.050.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.000.000.000	5.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>266.140.178.376</b>	<b>253.318.036.627</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	227.756.921.174	217.364.995.821
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		38.584.341.812	36.418.918.579
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		739.129.291	594.616.188
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(940.213.901)	(1.060.493.961)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>172.228.234.760</b>	<b>161.881.405.163</b>
1. Hàng tồn kho	141		177.924.561.491	167.577.731.894
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.696.326.731)	(5.696.326.731)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.575.643.276</b>	<b>658.552.837</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	2.575.643.276	658.552.837
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>72.667.920.762</b>	<b>78.405.249.095</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>814.800.000</b>	-
1. Phải thu dài hạn khác	216		814.800.000	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>50.683.680.695</b>	<b>51.513.134.912</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	50.683.680.695	51.513.134.912
- Nguyên giá	222		85.140.660.419	84.309.980.419
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.456.979.724)	(32.796.845.507)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		300.000.000	300.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(300.000.000)	(300.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>12</b>	<b>8.684.004.838</b>	<b>8.743.067.018</b>
- Nguyên giá	231		9.634.256.259	9.634.256.259
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(950.251.421)	(891.189.241)
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.400.000.000</b>	<b>4.950.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6	1.400.000.000	4.950.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>11.085.435.229</b>	<b>13.199.047.165</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	11.085.435.229	13.199.047.165
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>537.783.397.207</b>	<b>529.011.343.019</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

**MẪU SỐ B 01a-DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	31/12/2015
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>431.258.405.550</b>	<b>421.717.688.908</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>431.258.405.550</b>	<b>421.717.688.908</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		202.704.540.613	238.601.131.269
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	52.100.872.958	33.700.139.115
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	12.021.531.245	12.894.879.470
4. Phải trả người lao động	314		369.228.797	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	16.207.621.967	4.465.793.206
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	7.311.647.329	5.210.758.405
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	140.255.412.289	126.661.469.149
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		287.550.352	183.518.294
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>106.524.991.657</b>	<b>107.293.654.111</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>106.524.991.657</b>	<b>107.293.654.111</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14.612.324.709	14.612.324.709
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.354.447.344	10.354.447.344
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.558.219.604	2.326.882.058
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước/ năm trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		1.558.219.604	2.326.882.058
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>537.783.397.207</b>	<b>529.011.343.019</b>

Lê Thị Linh  
Người lập biểu

Mai Phương Anh  
Kế toán trưởng



Hoàng Hoa Cương  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2016

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 02a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	265.715.400.927	264.016.416.428
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		265.715.400.927	264.016.416.428
4. Giá vốn hàng bán	11	21	252.872.956.710	254.131.836.088
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		12.842.444.217	9.884.580.340
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3.689.297.421	3.835.310.420
7. Chi phí tài chính	22		5.255.663.328	4.550.935.892
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.255.663.328	4.550.935.892
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	8.933.904.549	8.467.716.065
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		2.342.173.761	701.238.803
10. Thu nhập khác	31		124.152	-
11. Chi phí khác	32		318.675.374	48.423.517
12. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(318.551.222)	(48.423.517)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.023.622.539	652.815.286
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	465.402.935	146.143.273
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		1.558.219.604	506.672.013
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	195	48

Lê Thị Linh  
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2016

Mai Phương Anh  
Kế toán trưởng



Hoàng Hoa Cương  
Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**MẪU SỐ B 03a-DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2016	Từ ngày 01/01/2015
		đến ngày 30/6/2016	đến ngày 30/6/2015
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.023.622.539	652.815.286
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1.719.196.397	1.575.970.255
Các khoản dự phòng	03	(120.280.060)	(860.000.000)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.274.558.574)	(716.616.562)
Chi phí lãi vay	06	5.255.663.328	4.550.935.892
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	7.603.643.630	5.203.104.871
Thay đổi các khoản phải thu	09	(14.830.154.158)	(9.252.987.338)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(10.346.829.597)	(22.046.798.404)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(3.865.609.001)	(39.406.973.110)
Thay đổi chi phí trả trước	12	196.521.497	83.177.137
Tiền lãi vay đã trả	14	(5.161.446.584)	(4.433.529.048)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(521.158.432)	(4.389.502.296)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(137.350.000)	(66.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(27.062.382.645)</b>	<b>(74.309.508.188)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.784.680.000)	(206.727.273)
2. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	3.550.000.000	-
3. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.126.440.241	726.469.840
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>2.891.760.241</b>	<b>519.742.567</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	176.933.500.939	142.274.767.538
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(163.339.557.799)	(104.542.402.091)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(7.200.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>13.593.943.140</b>	<b>30.532.365.447</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(10.576.679.264)</b>	<b>(43.257.400.174)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	29.748.099.297	72.074.591.921
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	19.171.420.033	28.817.191.747

  
Lê Thị Linh  
Người lập biểu

  
Mai Phương Anh  
Kế toán trưởng

  
Hoàng Hoa Cương  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2016

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này